

Số: 1470/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đầu ra  
đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo đại trà"

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng và các trường thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/04/2013 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về năng lực ngoại ngữ đầu ra đối với sinh viên đại học hệ chính quy đào tạo đại trà".

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng từ khóa Tuyển sinh năm 2018; thay thế Quyết định số 1128/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng. Những quy định trước đây trái với Quy định này sẽ không còn hiệu lực.

Sinh viên những khóa tuyển sinh trước khóa 2018 vẫn áp dụng quy định hiện hành về chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

**Điều 3.** Các Ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức- Hành chính, Đào tạo, Khảo thí và ĐBCLGD, Công tác sinh viên, Kế hoạch-Tài chính; Cơ sở vật chất; Khoa học và HTQT; Trưởng các khoa và sinh viên hệ chính quy đào tạo đại trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

## QUY ĐỊNH

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1470/QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 10 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định về yêu cầu năng lực ngoại ngữ đầu ra của sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng (gọi tắt là Trường).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với sinh viên thuộc các chương trình đào tạo đại học đại trà hệ chính quy, trừ sinh viên nêu ở Khoản 2 Điều này.

2. Quy định này không áp dụng với sinh viên là người nước ngoài, sinh viên dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại vùng không có điều kiện học ngoại ngữ đảm bảo chất lượng (Đối tượng 01- Khu vực 1- có minh chứng), sinh viên cử tuyển, sinh viên khuyết tật được ưu tiên tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

### **Điều 3. Yêu cầu trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp**

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng, ngoài các quy định theo quy chế đào tạo hiện hành, sinh viên phải đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu ra của Trường (viết tắt là CĐRNN). Sinh viên đạt CĐRNN là sinh viên có năng lực ngoại ngữ đạt từ bậc 3/6 (đối với tiếng Anh) và bậc 2/6 (đối với các ngoại ngữ khác) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương theo phụ lục đính kèm Quy định này.

### **Điều 4. Xét công nhận đạt CĐRNN**

1. Những sinh viên có kết quả đạt trong kỳ thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tổ chức tại Trường (nhiều đợt trong năm) sẽ được công nhận đạt CĐRNN và cập nhật vào hệ thống quản lý đào tạo của Trường (sinh viên cần theo dõi thường xuyên để biết thông tin).

2. Trước mỗi kỳ thi Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, sinh viên có minh chứng năng lực ngoại ngữ tương đương được quy định tại Điều 5 của Quy định này cần nộp bản sao có công chứng để Trường xét công nhận CĐRNN.

### **Điều 5. Công nhận tương đương**

1. Sinh viên nhập học có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thuộc một trong số các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Trung, Nhật và sinh viên tốt nghiệp đại học được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài thì được Trường công nhận đạt CĐRNN.

2. Sinh viên có chứng chỉ quốc gia/quốc tế hợp lệ và còn hiệu lực thuộc một trong số ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Trung, Nhật đạt mức điểm quy định (theo phụ lục đính kèm) được Trường công nhận đạt CĐRNN.

3. Các chứng chỉ quốc gia/quốc tế được công nhận hợp lệ:

a) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ nếu được cấp bởi trung tâm đại diện cho các tổ chức: ETS (Hoa Kỳ), British Council (Anh), ESOL (Anh) và IDP (Úc).

b) Chứng chỉ tiếng Anh quốc gia theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam là hợp lệ nếu được cấp bởi các cơ sở trong danh mục do Trường, Đại học Đà Nẵng hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

c) Chứng chỉ các ngoại ngữ khác: Nga, Pháp, Trung, Nhật là hợp lệ nếu được cấp bởi các tổ chức hợp pháp.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ 1 năm học 2019-2020.
2. Những quy định trước đây trái với quy định này không còn hiệu lực.
3. Trong thời gian thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập Trường sẽ có quyết định bổ sung, sửa đổi Quy định này cho phù hợp.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. LƯU TRANG**



**PHỤ LỤC**  
**HIỆU LỰC CỦA CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ THI NGOẠI NGỮ QUỐC GIA, QUỐC TẾ**  
**XÉT ĐẠT YÊU CHUẨN ĐẦU RA CỦA TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 410/QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm- ĐHQĐHN)

**1. Tiếng Anh:**

Sinh viên có chứng nhận kết quả thi đạt:							
KNLNN Việt Nam	CEFR	IELTS	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL iBT	TOEIC	Cambridge
Bậc 6	C2	9.0 7.0	≥ 600	≥ 250	≥ 100	≥ 910	CPE
Bậc 5	C1	6.5 6.0	577 550	233 213	95 80	905 850	CAE
Bậc 4	B2	5.5 5.0	527 500	197 173	71 61	845 600	FCE
Bậc 3	B1	4.5 4.0	477 450	153 133	53 45	595 450	PET

**2. Các ngoại ngữ khác:**

Tiếng Pháp		Tiếng Trung		Tiếng Nhật			Tiếng Nga
DELF	TCF	HSK	TOCEL	JLPT	NAT-TEST	TOP-J	
Delf A2	TCF niveau 2	HSK 2	Cấp 2 (Band A)	N5	5 Kyu	Sơ cấp B	TBU

*Ghi chú:* Phụ lục này có thể được xem xét cập nhật khi có sự điều chỉnh từ các cơ quan, tổ chức hữu quan.